

Trải nghiệm hiệu quả công việc ở tầm cao mới

Dòng ECOSYS MA4000wifx có thể đáp ứng mọi thách thức của bạn.



ECOSYS MA4000wifx/ MA4000fx/ MA4000x
ECOSYS PA4000wx/ PA4000x

Máy đa chức năng đen trắng và máy in khổ A4

Thông số kỹ thuật				
Model		ECOSYS MA4000x	ECOSYS MA4000fx	ECOSYS MA4000wifx
Chức năng chính		Sao chụp, In, Quét, Fax (chỉ dành cho ECOSYS MA4000fx/MA4000wifx)		
Phương pháp in		Phương pháp in laser sử dụng mực khô tĩnh điện		
CPU		ARM Cortex A53 single 1.0GHz		
Tốc độ sao chụp/in (A4) (Đen trắng)		40 trang/phút		
Tốc độ quét (A4)	300dpi	Một mặt (Đen trắng/Màu): 40 ảnh một phút/23 ảnh một phút		
Một mặt/Hai mặt (Đen trắng/Màu)	600dpi	Hai mặt (Đen trắng/Màu): 80 ảnh một phút/46 ảnh một phút		
		Một mặt (Đen trắng/Màu): 18 ảnh một phút/7 ảnh một phút		
		Hai mặt (Đen trắng/Màu): 36 ảnh một phút/14 ảnh một phút		
Bộ nhớ		Tiêu chuẩn 1GB (Tối đa 1GB)		Tiêu chuẩn 2GB (Tối đa 2GB)
Thời gian khởi động		19 giây		29 giây
Dung lượng giấy	Tiêu chuẩn	250 tờ (Khay gầm) + 100 tờ (Khay tay)		
	Tối đa	850 tờ (Thân máy chính + 250 tờ PF-1100 x2 + Khay tay)		
Khổ giấy	Khay gầm	Tối thiểu A6R - Tối đa A4 (Legal)		
	Tùy chọn	Tối thiểu A6R - Tối đa A4 (Legal)		
	Khay tay	Tối thiểu 70mm x 148mm - Tối đa A4 (Legal)		
Định lượng giấy	Khay gầm	60 - 163 g/m ²		
	Tùy chọn	60 - 163 g/m ²		
	Khay tay	60 - 220 g/m ²		
In hai mặt		Khổ giấy: A5R - A4/Legal; Định lượng giấy: 60 - 163 g/m ²		
Công suất đầu ra		Tối đa 150 tờ úp mặt		
Màn hình điều khiển		Màn hình LCD 5 dòng (128 x 64 điểm ảnh)		Màn hình LCD cảm ứng màu 4,3 inch
Bộ nạp và đảo bản gốc		Tiêu chuẩn (Tối đa 50 tờ bộ nạp quét bản gốc hai mặt đồng thời)		
Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) (Thiết bị chính)		417mm x 412mm x 437mm		
Trọng lượng (Thiết bị chính)		Khoảng 19,0kg*không bao gồm hộp mực		
Mức tiêu thụ điện (Cấu hình chuẩn)	Chế độ sao chụp/in	574,4 W		
	Chế độ chờ	10,8W	11,8W	
	Tiết kiệm năng lượng	0,4W		
Tiếng ồn (ISO7779/ ISO9296)	Chế độ sao chụp/in	52dB(A); Chế độ im lặng: 48dB(A)		
	Chế độ chờ	29dB(A)		
Chức năng sao chụp (Tiêu chuẩn)				
Kích thước bản sao		Tối thiểu 100mm x 148mm - Tối đa A4 (Legal)		
Độ phân giải		600 x 600dpi		
Thời gian sao chụp bản đầu tiên (Đen trắng/Màu)		6,4 giây hoặc ít hơn		
Tỷ lệ thu phóng (Tùy chỉnh)		25% - 400% (1% mỗi bước)		
Sao chụp liên tục		1 – 999		
Chức năng in (Tiêu chuẩn)				
Độ phân giải		300 x 300 dpi, 600 x 600 dpi, Fast 1200, Fine 1200		
PDL/Emulations		PCL6 (PCL5e, PCL-XL), KPDŁ3 (Postscript 3 compatible), PRESCRIBE, Line Printer, IBM Proprinter, Epson LQ-850, PDF Direct Print		
Thời gian in bản đầu tiên		6,4 giây hoặc ít hơn		
Giao diện		USB 2.0 High Speedx1; Ethernet 10BASE-T/100BASE-TX/1,000BASE-T; USB Host Interface (USB Host)x1; 802.11b/g/n/ac/Wireless LAN/WiFi Direct (chỉ dành cho ECOSYS MA4000wifx)		
In mạng (Network Printing)		TCP/IP, FTP, LPR, Port9100, NetBEUI, Apple Bonjour		
In qua email (E-mail printing)		In dữ liệu từ email nhận được		
In an toàn (Secure Printing)		Định dạng dữ liệu: PDF, PS, Text, TIFF, JPEG, XPS, OpenXPS		
In an toàn (Secure Printing)		IPP qua TLS		
In qua điện thoại (Mobile Printing)		AirPrint, Mopria, KYOCERA Mobile Print. KYOCERA MyPanel		
Chức năng quét (Tiêu chuẩn)				
Kích thước		Tối thiểu 50mm x 50mm - Tối đa A4 (Legal)		
Độ phân giải		600dpi, 400dpi, 300dpi, 200dpi, 200x400dpi, 200x100dpi, 1200x1200dpi		
		(Chỉ có trình điều khiển TWAIN và trình điều khiển WIA)		
Định dạng tập tin		TIFF, JPEG, XPS, OpenXPS, PDF (MMR/JPEG/PDF được nén ở mức cao), PDF/A		
Chế độ loại hình ảnh		Văn bản, Ảnh, Văn bản + Ảnh, Văn bản nhặt + Đường kẻ mảnh, Văn bản (cho OCR)		
Phương thức gửi		Quét tới SMB; Quét tới E-mail; Quét tới FTP hoặc FTP qua TLS; Quét tới USB; Quét TWAIN; Quét WSD, Quét WIA		
Lưu trữ địa chỉ		300 địa chỉ (Danh sách địa chỉ chung), 50 nhóm (Danh sách địa chỉ nhóm)		
Chức năng Fax (Tùy chọn*)				
Kích thước nguyên bản		Tối thiểu A6R - Tối đa A4 (Legal)		
Phương pháp mã hóa		MMR, MR, MH, JBIG		
Tốc độ đường truyền		33,6 kbps		
Thời gian truyền		3 giây hoặc ít hơn		
FAX qua mạng		Có sẵn		
Các thông số liên quan về vật tư tiêu hao & Bộ phận chọn thêm				
Hộp mực (Tuổi thọ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752)		TK-1275 (7.200 trang)		
		TK-1285 (12.000 trang)		
Tuổi thọ hộp mực đi kèm theo máy		3.600 trang		
Khay nạp giấy		PF-1100: 250 tờ (Tối đa x2)		
Xác thực bằng thẻ		Bộ xác thực thẻ (B)		

* Chức năng Fax chỉ khả dụng cho ECOSYS MA4000fx và MA4000wifx.

Thông số kỹ thuật			
Model		ECOSYS PA4000x	ECOSYS PA4000wx
Kiểu		Đế bàn	
Phương pháp in		Phương pháp in laser sử dụng mực khô tĩnh điện	
Tốc độ sao chụp/in (A4) (Đen trắng)		40 trang/phút	
Thời gian in bản đầu tiên		6,4 giây hoặc ít hơn	
Thời gian khởi động		15 giây	
Độ phân giải		300 x 300 dpi, 600 x 600 dpi, Fast 1200, Fine 1200	
In hai mặt		Kích thước giấy: A5R - A4/Legal; Định lượng giấy: 60 - 163 g/m ²	
Màn hình điều khiển		Màn hình LCD 5 dòng (128 x 64 điểm ảnh)	
Mức tiêu thụ điện (Cấu hình chuẩn)	Chế độ sao chụp/in	555,9 W	
	Chế độ chờ	6,0W	
	Tiết kiệm năng lượng	0,3W	
Tiếng ồn (ISO7779/ ISO9296)	Chế độ sao chụp/in	52dB(A); Chế độ im lặng: 48dB(A)	
	Chế độ chờ	29dB(A)	
Kích thước (Rộng x Sâu x Cao) (Thiết bị chính)		375mm x 393mm x 272mm	
Trọng lượng (Thiết bị chính)		Xấp xỉ 14,0kg*không bao gồm hộp đựng mực	
		Các thông số liên quan về bộ điều khiển	
CPU		ARM Cortex A53 single 1.0GHz	
Bộ nhớ		Tiêu chuẩn 512MB (Tối đa 512MB)	
Giao diện		USB 2.0 High Speedx1; Ethernet 10BASE-T/100BASE-TX/1,000BASE-T; USB Host Interface (USB Host)x1; 802.11 b/g/n/ac/ Wireless LAN/WiFi Direct (chỉ dành cho ECOSYS PA4000wx)	
PDL/Emulations		PCL6 (PCL5e, PCL-XL), KPDL3 (Postscript 3 compatible), PRESCRIBE, Line Printer, IBM Proprinter, Epson LQ-850, PDF Direct Print	
In mạng (Network Printing)		TCP/IP, FTP, LPR, Port9100, NetBEUI, Apple Bonjour	
In qua email (E-mail Printing)		In dữ liệu từ email nhận được Định dạng dữ liệu: PDF, PS, Text, TIFF, JPEG, XPS, OpenXPS	
In an toàn (Secure Printing)		IPP qua TLS	
In qua điện thoại (Mobile Printing)		AirPrint, Mopria, KYOCERA Mobile Print, KYOCERA MyPanel	
		Các thông số liên quan về giấy	
Dung lượng giấy	Tiêu chuẩn	250 tờ (Khay gầm) + 100 tờ (Khay tay)	
	Tối đa	850 tờ (Thân máy chính + 250 tờ PF-1100 x2 + Khay tay)	
Khổ giấy	Khay gầm	Tối thiểu A6R - Tối đa A4 (Legal)	
	Tùy chọn	Tối thiểu A6R - Tối đa A4 (Legal)	
	Khay tay	Tối thiểu 70mm x 148mm - Tối đa A4 (Legal)	
Định lượng giấy	Khay gầm	60 - 163 g/m ²	
	Tùy chọn	60 - 163 g/m ²	
	Khay tay	60 - 220 g/m ²	
Công suất đầu ra		Tối đa 250 tờ úp mặt	
		Các thông số liên quan về vật tư tiêu hao & Bộ phận chọn thêm	
Hộp mực (Tuổi thọ theo tiêu chuẩn ISO/IEC 19752)		TK-1265 (7.200 trang)	
Tuổi thọ hộp mực đi kèm theo máy		3.600 trang	
Khay nạp giấy		PF-1100: 250 tờ (Tối đa x2)	
Xác thực bằng thẻ		Bộ xác thực thẻ (B)	



KYOCERA Document Solutions Vietnam Company Limited

Tầng 6, Số 2 ngõ 218 phố Thái Hà, phường Trung Liệt,
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
(Số 243 phố Hoàng Cầu)
Điện thoại : +84-24-3644-2888

www.kyoceradocumentsolutions.com/vn